

CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI GỒM XD MỸ XUÂN
SỐ: 33/CV.GMX-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
-----o0o-----

V/v: CBTB Báo cáo tài chính
năm 2024 (đã được kiểm toán)

Phú Mỹ, Ngày 25 Tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
(V/v : Công bố Báo Cáo Tài chính năm 2024 – Đã kiểm toán)

Kính Gửi : - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

1. Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân
2. Mã Chứng Khóan : GMX
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố Suối Nhum – Phường Hắc Dịch – Thị xã Phú Mỹ - Tỉnh BRVT
4. Điện thoại: 02543.893150 Fax: 02543.894168
5. Người thực hiện công bố thông tin : Lưu Thị Mai
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính năm 2024 (đã được kiểm toán) của Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân được lập ngày 21/03/2025 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp biến động trên 10% so với cùng kỳ năm trước.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.myxuan-vt.com.vn/quanhecodong.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTB



Lưu Thị Mai



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỐM
XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch ngói gốm Xây dựng Mỹ Xuân (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân (tên giao dịch: My Xuan Brick Tile Pottery and Construction Joint Stock Company) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Gạch ngói gốm Xây dựng thuộc Công ty Phát triển Khoáng sản 6 theo Quyết định số 168/2003/QĐ-BCN ngày 17 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000078 ngày 18 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03 tháng 11 năm 2021.

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 44/2011/GCNCP-VSD ngày 27 tháng 06 năm 2011. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) ngày 15 tháng 09 năm 2011 với mã chứng khoán là GMX.

Vốn điều lệ : 90.406.970.000 đồng.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Khu phố Suối Nhum, phường Hắc Dịch, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại : +254 3 893 150

Mã số thuế : 3 5 0 0 6 4 0 9 6 6

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác đất sét;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gốm và vật liệu xây dựng, kinh doanh nguyên liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán gạch ngói gốm;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, nhà cho thuê;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật mỏ;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

4.1. Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Dư Quốc Trung	Chủ tịch		
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên		
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên		
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	26/04/2024	
Bà Nguyễn Thị Phượng Quyên	Thành viên	26/04/2024	
Ông Ngô Thành Cương	Thành viên		26/04/2024
Ông Lưu Thanh Bình	Thành viên		26/04/2024

4.2. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc

4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Hậu	Trưởng ban	26/04/2024	
Ông Hoàng Văn Thái	Trưởng ban		26/04/2024
Ông Nguyễn Thế Đô	Thành viên	26/04/2024	
Ông Lưu Thanh Bình	Thành viên	26/04/2024	
Bà Phạm Thị Hương Duyên	Thành viên		26/04/2024

5. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Sơn – Tổng Giám đốc Công ty.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 34.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Hắc Dịch, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 21 tháng 3 năm 2025.

TM. Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN SƠN
Tổng Giám đốc

128
ÔNG
HIỆN
IÂN V
IÂN
P. H

Số 2167/25/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch ngói gốm Xây dựng Mỹ Xuân (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2025 từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết, để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính của Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch ngói gốm Xây dựng Mỹ Xuân tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty kiểm toán khác kiểm toán. Kiểm toán viên của Công ty này đã đưa ra ý kiến kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 là ý kiến chấp nhận toàn phần.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thanh Hồng - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 1512-2023-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		57.290.091.023	58.046.985.732
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.979.659.042	7.502.229.836
1. Tiền	111	V.1	5.979.659.042	7.502.229.836
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.733.429.784	8.302.926.688
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.549.141.689	1.578.959.909
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	763.455.000	3.362.375.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	3.420.833.095	3.361.591.779
IV. Hàng tồn kho	140		44.876.835.758	41.768.311.997
1. Hàng tồn kho	141	V.5	44.876.835.758	41.768.311.997
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		700.166.439	473.517.211
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	49.453.454	36.431.556
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		582.301.982	425.112.155
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	68.411.003	11.973.500
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		103.078.102.348	109.735.268.114
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.767.750.892	2.696.214.543
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	2.767.750.892	2.696.214.543
II. Tài sản cố định	220		29.887.915.423	39.254.655.382
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	24.238.808.901	32.069.550.660
- Nguyên giá	222		138.672.600.594	138.672.600.594
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(114.433.791.693)	(106.603.049.934)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	5.649.106.522	7.185.104.722
- Nguyên giá	228		26.199.164.502	26.199.164.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.550.057.980)	(19.014.059.780)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		68.824.698.926	65.125.536.896
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	68.824.698.926	65.125.536.896
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	2.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	2.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.597.737.107	658.861.293
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	1.564.710.135	658.861.293
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.9	33.026.972	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		160.368.193.371	167.782.253.846

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Hắc Dịch, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		43.108.233.249	48.507.614.854
I. Nợ ngắn hạn	310		43.108.233.249	47.169.614.854
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	18.128.119.383	11.396.261.848
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	424.365.307	512.702.363
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	5.112.345.006	2.171.034.938
4. Phải trả người lao động	314		2.887.229.491	5.030.425.360
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.013.419.132	1.479.679.334
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	6.213.166.892	11.599.136.700
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	9.329.588.038	14.980.374.311
II. Nợ dài hạn	330		-	1.338.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	-	1.338.000.000
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		117.259.960.122	119.274.638.992
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	117.259.960.122	119.274.638.992
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		90.406.970.000	90.406.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.406.970.000	90.406.970.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(62.460.000)	(62.460.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.827.436.305	4.496.329.753
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.780.545.570	2.449.439.018
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.307.468.247	21.984.360.221
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.477.196.437	11.721.548.066
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.830.271.810	10.262.812.155
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		160.368.193.371	167.782.253.846

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LƯU THỊ MAI

TRẦN THỊ CẢNH



NGUYỄN VĂN SƠN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	164.814.261.304	193.390.529.470
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	19.792.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		164.814.261.304	193.370.736.970
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	111.991.739.552	129.097.357.336
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.822.521.752	64.273.379.634
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	122.632.815	232.140.768
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	928.725.639	752.776.544
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		928.725.639	752.776.544
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	16.864.800.270	19.587.005.808
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.630.663.805	13.976.744.628
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.520.964.853	30.188.993.422
11. Thu nhập khác	31		50.311.157	21.384.430
12. Chi phí khác	32	VI.7	525.038.718	410.263.149
13. Lợi nhuận khác	40		(474.727.561)	(388.878.719)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.046.237.292	29.800.114.703
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	4.523.936.681	6.164.475.570
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(33.026.972)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.555.327.583	23.635.639.133
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.377	2.041
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.377	2.041

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc

LƯU THỊ MAI

TRẦN THỊ CẢNH



NGUYỄN VĂN SƠN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
2	1	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.046.237.292	29.800.114.703
2. Điều chỉnh cho các khoản			10.172.832.783	10.465.363.964
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		9.366.739.959	9.944.728.188
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(122.632.815)	(232.140.768)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	928.725.639	752.776.544
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.219.070.075	40.265.478.667
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.242.747.920	(2.898.782.550)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.108.523.761)	(3.678.023.579)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		3.543.813.442	(19.444.879.908)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(918.870.740)	929.689.801
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(920.264.882)	(725.766.167)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(1.461.381.102)	(14.274.070.226)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9.765.671.126)	(9.464.707.477)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.830.919.826	(9.291.061.439)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.699.162.030)	(1.128.397.097)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		131.191.148	316.524.215
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.567.970.882)	(811.872.882)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.3	56.219.284.392	42.498.117.408
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.4	(62.943.254.200)	(33.562.980.708)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.061.549.930)	(16.151.254.720)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.785.519.738)	(7.216.118.020)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(1.522.570.794)	(17.319.052.341)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.502.229.836	24.821.282.177
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	5.979.659.042	7.502.229.836

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc

LƯU THỊ MAI

TRẦN THỊ CẢNH



NGUYỄN VĂN SƠN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Gạch ngói gốm Xây dựng Mỹ Xuân (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất – dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác đất sét;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gốm và vật liệu xây dựng, kinh doanh nguyên liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán gạch ngói gốm;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, nhà cho thuê;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật mỏ;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu kỳ này giảm 14,78% so với năm 2023 do nhu cầu thị trường giảm mạnh làm cho sản lượng tiêu thụ giảm so với năm trước. Bên cạnh đó, trong năm Công ty đã điều chỉnh giảm giá bán một số đơn đặt hàng theo số lượng và chủng loại để cạnh tranh bán sản phẩm.

Đồng thời, chi phí năng lượng điện sản xuất và chi phí sửa chữa lớn các dây chuyền sản xuất tăng, chi phí nguyên liệu đầu vào diễn biến không ổn định làm tăng chi phí sản xuất và giảm lợi nhuận kế toán trước thuế với tỷ lệ giảm là 29,37% so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cấu trúc Công ty bao gồm 1 trụ sở chính và 1 văn phòng đại diện. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Gạch ngói gốm Xây dựng Mỹ Xuân	Số 503 Nguyễn An Ninh, phường 9, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 300 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 335 nhân viên).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển.
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: căn cứ vào các chứng khoán ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo.
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Quyền khai thác mỏ sét

Quyền khai thác mỏ sét được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tương ứng với thời gian được cấp quyền khai thác (144 tháng).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

▪ Nguyên tắc đánh giá:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

▪ Phương pháp khấu hao áp dụng:

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

▪ Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

8. Tài sản cố định vô hình

▪ Nguyên tắc đánh giá:

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

▪ **Phương pháp khấu hao áp dụng:**

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

▪ **Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:**

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Quyền sử dụng đất	05 - 38 năm
Chi phí thăm dò mỏ sét	10 năm

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

11. Doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá: bán sản phẩm gạch, ngói

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: cho thuê máy móc, thiết bị nhà xưởng

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

▪ **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Số liệu so sánh

Theo thuyết minh số VII.11 – Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, Chi tiết khoản mục chi phí nguyên liệu, vật liệu phát sinh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày lại cho phù hợp với quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	Số năm trước theo Báo cáo kiểm toán năm trước	Số năm trước được trình bày lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.893.480.175	53.049.863.599	(19.843.616.576)
Cộng	169.704.540.607	149.860.924.031	(19.843.616.576)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	64.140.000	743.594.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.915.519.042	6.758.635.836
Cộng	5.979.659.042	7.502.229.836

Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Mỹ (xem thuyết minh số V.14).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	239.849.531	375.337.151
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Quang Cường – Bình Thuận	178.748.040	257.540.040
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	61.101.491	117.797.111
Phải thu các khách hàng khác	1.309.292.158	1.203.622.758
Công ty TNHH SX TM XD Thái Hà	376.486.257	-
Công ty TNHH MTV TM DV Xây dựng Vận tải An Kiên An	287.275.620	302.275.620
Công ty TNHH SX TM DV Lưu Thái Sơn	107.312.493	104.160.780
Các đối tượng khác	538.217.788	797.186.358
Cộng	1.549.141.689	1.578.959.909

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

Toàn bộ số dư phải thu khách hàng được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Mỹ (xem thuyết minh số V.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Hắc Dịch, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước các bên liên quan	-	2.600.000.000
Ông Nguyễn Thế Đô – Bà Đoàn Thị Dung (Thành viên BKS)	-	2.600.000.000
Trả trước tổ chức và cá nhân khác	763.455.000	762.375.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng tổng hợp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	479.375.000	479.375.000
Trung tâm nghiên cứu và phát triển – Micco Nam Bộ	143.100.000	121.500.000
Các đối tượng khác	140.980.000	161.500.000
Cộng	763.455.000	3.362.375.000

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan	-	-
Phải thu ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác	3.318.916.409	3.361.591.779
Tạm ứng	3.289.008.000	3.291.700.000
Võ Phúc Hưng	3.176.700.000	3.176.700.000
Các đối tượng khác	112.308.000	115.000.000
Phải thu thuế TNCN	101.916.686	-
Phải thu khác	29.908.409	69.891.779
Cộng	3.420.833.095	3.361.591.779

4b. Phải thu dài hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	2.767.750.892	2.696.214.543
Ký quỹ phục hồi môi trường khai thác mỏ	958.750.892	887.214.543
Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án	1.809.000.000	1.809.000.000
Cộng	2.767.750.892	2.696.214.543

5. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	26.861.319.951	-	17.654.314.099	-
Công cụ, dụng cụ	113.492.117	-	127.613.157	-
Chi phí SXKD dở dang	2.482.681.207	-	2.210.879.259	-
Thành phẩm	15.166.565.865	-	21.501.527.912	-
Hàng hóa	252.776.618	-	273.977.570	-
Cộng	44.876.835.758	-	41.768.311.997	-

Toàn bộ số dư hàng tồn kho được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Mỹ (xem thuyết minh số V.14).

6. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ đang sử dụng	10.793.454	36.431.556
Chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị	38.660.000	-
Cộng	49.453.454	36.431.556

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.351.194.337	349.178.573
Quyền khai thác khoáng sản (mỏ sét)	190.485.880	272.122.720
Chi phí công cụ dụng cụ đang sử dụng	23.029.918	37.560.000
Cộng	1.564.710.135	658.861.293

7. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	52.965.966.333	79.322.240.333	5.613.572.928	770.821.000	138.672.600.594
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	52.965.966.333	79.322.240.333	5.613.572.928	770.821.000	138.672.600.594
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	21.507.252.737	43.463.290.003	4.270.532.019	706.821.000	69.947.895.759
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	38.756.745.951	62.275.737.164	4.867.460.019	703.106.800	106.603.049.934
2. Tăng trong năm	2.795.275.250	4.786.564.309	223.848.000	25.054.200	7.830.741.759
Khấu hao trong năm	2.795.275.250	4.786.564.309	223.848.000	25.054.200	7.830.741.759
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	41.552.021.201	67.062.301.473	5.091.308.019	728.161.000	114.433.791.693
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	14.209.220.382	17.046.503.169	746.112.909	67.714.200	32.069.550.660
2. Tại ngày cuối năm	11.413.945.132	12.259.938.860	522.264.909	42.660.000	24.238.808.901

Trong đó: Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 5.990.396.902 đồng (xem thuyết minh số V.14).

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất ^(*)	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	25.507.139.502	692.025.000	26.199.164.502
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	25.507.139.502	692.025.000	26.199.164.502
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	18.327.659.780	686.400.000	19.014.059.780
Tăng trong năm	1.530.373.200	5.625.000	1.535.998.200
Khấu hao trong năm	1.530.373.200	5.625.000	1.535.998.200
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	19.858.032.980	692.025.000	20.550.057.980
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.179.479.722	5.625.000	7.185.104.722
Số cuối năm	5.649.106.522	-	5.649.106.522

(*) Chi tiết Quyền sử dụng đất gồm:

GCN số	Địa chỉ	Kỳ hạn	Nguyên giá
BL 907395	Xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	14 năm (đến ngày 28/03/2027)	20.856.076.298
BA 657233	Xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	38 năm (đến năm 2047 và 2048)	2.410.731.800
R545929	Xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	22 năm (đến ngày 18/12/2025)	985.575.415
BC 369208	Xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	22 năm (đến ngày 18/12/2025)	725.814.360
DB318924 DB318925	Xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	- Đất thương mại – dịch vụ: đến ngày 11/09/2057; - Đất trồng cây lâu năm: đến ngày 18/02/2050.	350.178.000
BA 657232	Xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	22 năm (đến ngày 18/12/2025)	178.763.629
Cộng			25.507.139.502

Trong đó: Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.571.091.218 đồng (xem thuyết minh số V.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỐM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Hắc Dịch, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Mò sét; Nhà máy Gạch Châu Đức	57.032.003.438	56.840.694.365
Dự án Mò Sét; Nhà máy Gạch Mỹ Xuân	9.192.695.488	8.284.842.531
Giá trị lô đất nhận chuyển nhượng theo HĐKT số 22/HĐKT ngày 10/05/2021	2.600.000.000	-
Cộng	68.824.698.926	65.125.536.896

10. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3.674.092.609	3.673.624.033
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	3.674.092.609	3.673.624.033
Phải trả nhà cung cấp khác	14.454.026.774	7.722.637.815
Công ty TNHH MTV Hùng Vũ	12.998.909.000	6.734.834.570
Các đối tượng khác	1.455.117.774	987.803.245
Cộng	18.128.119.383	11.396.261.848

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các khách hàng khác	424.365.307	512.702.363
Công ty TNHH TM – DV – XNK Nam Dương	391.643.620	391.641.380
Các đối tượng khác	32.721.687	121.060.983
Cộng	424.365.307	512.702.363

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	-	5.503.415.589	5.503.415.589	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	11.973.500	-	-	-	11.973.500	-
Thuế TNDN	-	1.335.712.962	4.523.936.681	1.461.381.102	-	4.398.268.541
Thuế TNCN	-	340.863.496	959.546.452	1.080.718.363	-	219.691.585
Thuế tài nguyên	-	73.600	1.198.243.460	1.198.317.060	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	494.384.880	588.220.432	588.220.432	-	494.384.880
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.130.847.138	1.187.284.641	56.437.503	-
Cộng	11.973.500	2.171.034.938	13.908.209.752	11.023.337.187	68.411.003	5.112.345.006

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỒM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Hắc Dịch, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% và 10%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết:	Số cuối năm	Số đầu năm
BHXX, BHYT, BHTN	608.683.060	739.708.800
Kinh phí công đoàn	269.967.040	323.752.420
Phải trả cổ tức cho cổ đông	112.849.360	351.468.130
Phải trả lãi vay	8.460.757	32.602.213
Phải trả khác	13.458.915	32.147.771
Cộng	1.013.419.132	1.479.679.334

14. Vay và nợ thuê tài chính

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính phải trả các tổ chức, cá nhân khác	6.213.166.892	6.213.166.892	12.937.136.700	12.937.136.700
Vay ngắn hạn ngân hàng	6.213.166.892	6.213.166.892	10.267.136.700	10.267.136.700
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Phú Mỹ ⁽¹⁾	2.642.088.543	2.642.088.543	10.267.136.700	10.267.136.700
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Vũng Tàu ⁽²⁾	3.571.078.349	3.571.078.349	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	1.332.000.000	1.332.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Vũng Tàu	-	-	1.332.000.000	1.332.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	1.338.000.000	1.338.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Vũng Tàu	-	-	1.338.000.000	1.338.000.000
Cộng	6.213.166.892	6.213.166.892	12.937.136.700	12.937.136.700

^(*) Khoản vay tại Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Phú Mỹ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/1509034/HĐTD/HĐTD ngày 07/12/2022. Chi tiết như sau:

- Hạn mức cấp tín dụng : 25.000.000.000 đồng;
- Mục đích sử dụng : bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cấp hạn mức : 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này;

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Hắc Dịch, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Lãi suất cho vay : xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành;
- Hình thức bảo đảm : khoản vay được đảm bảo bằng:
 - + Quyền khai thác sét theo Quyết định số 2457/QĐ ngày 21/07/2008, Giấy phép số 21/GP-UBND ngày 28/03/2007 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/1509034/HĐ ngày 20/05/2013, được sửa đổi, bổ sung theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/150934/SĐBS ngày 10/08/2017 (xem thuyết minh số V.8);
 - + Toàn bộ giá trị hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.5);
 - + Toàn bộ số dư Tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của bên vay và tại các tổ chức tín dụng khác (xem thuyết minh số V.1);
 - + Các khoản phải thu theo các Hợp đồng được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng (xem thuyết minh số V.2).

⁽²⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số GMX-HĐHM/2023 ngày 20/12/2023. Chi tiết như sau:

- Hạn mức cấp tín dụng : 35.000.000.000 đồng;
- Mục đích sử dụng : Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ SXKD;
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này;
- Lãi suất cho vay : xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành;

Hình thức bảo đảm : khoản vay được đảm bảo bằng:

- + Quyền sử dụng đất tại xã Hắc dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và toàn bộ công trình xây dựng thuộc nhà máy Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân (khu vực dây chuyền III): Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 657233 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 24/06/2010 đứng tên Công ty Cổ phần Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân (xem thuyết minh số V.8);
- + Toàn bộ công trình xây dựng thuộc nhà máy Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân (Khu vực dây chuyền II và công trình thuộc dây chuyền sản xuất ngói xi măng màu không nung): Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 657232 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 24/06/2010 đứng tên Công ty Cổ phần Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân (xem thuyết minh số V.7);
- + Quyền khai thác mỏ sét Mỹ Xuân 1, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng thế chấp Khai thác tài nguyên số 02-2017/HĐTC-MX ngày 01/08/2017 ký giữa Khách hàng và Ngân hàng (xem thuyết minh số V.8);
- + Máy móc thiết bị thuộc: Dây chuyền II; dây chuyền ngói xi măng màu không nung và dây chuyền III Nhà máy Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 03-2017/HĐTC-MX ngày 01/08/2017 (xem thuyết minh số V.7);
- + Dây chuyền máy nghiền - trộn tại Nhà máy gạch của Công ty CP Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân theo Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị số 01-2020/HĐTC-MX ngày 30/09/2020 (xem thuyết minh số V.7).

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Hắc Dịch, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chi tiết phát sinh các khoản vay trong năm:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay và nợ tài chính phải trả các tổ chức, cá nhân khác	12.937.136.700	56.219.284.392	62.943.254.200	6.213.166.892
Vay ngắn hạn ngân hàng	10.267.136.700	56.219.284.392	60.273.254.200	6.213.166.892
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Phú Mỹ	10.267.136.700	33.417.506.460	41.042.554.617	2.642.088.543
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Vũng Tàu	-	22.801.777.932	19.230.699.583	3.571.078.349
Vay dài hạn đến hạn trả	1.332.000.000	-	1.332.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Vũng Tàu	1.332.000.000	-	1.332.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	1.338.000.000	-	1.338.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Vũng Tàu	1.338.000.000	-	1.338.000.000	-
Cộng	12.937.136.700	56.219.284.392	62.943.254.200	6.213.166.892

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	13.039.791.537	3.311.065.517	8.915.771.092	7.435.085.962
Quỹ phúc lợi	1.940.582.774	331.106.552	377.187.250	1.894.502.076
Quỹ thưởng BDH	-	472.712.784	472.712.784	-
Cộng	14.980.374.311	4.114.884.853	9.765.671.126	9.329.588.038

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Hắc Dịch, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

16. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu tình hình biến động vốn của chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH(**)	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	90.406.970.000	(62.460.000)	1.340.546.039	2.041.778.755	21.216.220.302	114.943.055.096
Lãi trong năm	-	-	-	-	23.635.639.133	23.635.639.133
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2023	-	-	472.712.784	472.712.784	(6.145.266.178)	(5.199.840.610)
Tăng khác	-	-	2.683.070.930	-	-	2.683.070.930
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2022	-	-	-	-	(9.034.451.000)	(9.034.451.000)
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	-	(7.227.560.800)	(7.227.560.800)
Giảm khác	-	-	-	(65.052.521)	(460.221.236)	(460.221.236)
Số dư cuối năm trước	90.406.970.000	(62.460.000)	4.496.329.753	2.449.439.018	21.984.360.221	119.274.638.992
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	90.406.970.000	(62.460.000)	4.496.329.753	2.449.439.018	21.984.360.221	119.274.638.992
Lãi trong năm	-	-	-	-	16.555.327.583	16.555.327.583
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2024(*)	-	-	331.106.552	331.106.552	(4.777.097.957)	(4.114.884.853)
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2023	-	-	-	-	(9.034.451.000)	(9.034.451.000)
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận 2024(*)	-	-	-	-	(5.420.670.600)	(5.420.670.600)
Số dư cuối năm nay	90.406.970.000	(62.460.000)	4.827.436.305	2.780.545.570	19.307.468.247	117.259.960.122

(*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2024 theo kế hoạch được thông qua Đại hội đồng cổ đông số 41/CV.GMX-2024 ngày 26/04/2024, số liệu chính thức sẽ được thông qua ĐHĐCĐ năm 2025.

(**) Công ty trích lập và sử dụng Quỹ dự phòng tài chính theo quy định tại Khoản 4, Điều 32 và Khoản 2, Điều 34 của Quy chế quản lý tài chính được ban hành theo Quyết định số 88/QĐ.GMX-2019 của HĐQT Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân. Việc trích lập Quỹ dự phòng tài chính đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết ĐHĐCĐ hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỐM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Hắc Dịch, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

b. Chi tiết góp vốn đầu tư chủ sở hữu

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Chênh lệch (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Vốn góp của các cổ đông	90.406.970.000	100%	90.406.970.000	-
Cộng	90.406.970.000	100%	90.406.970.000	-

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	90.406.970.000	90.406.970.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	90.406.970.000	90.406.970.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.455.121.600	16.262.011.800

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.040.697	9.040.697
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.040.697	9.040.697
Cổ phiếu phổ thông	9.040.697	9.040.697
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(6.246)	(6.246)
Cổ phiếu phổ thông	(6.246)	(6.246)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.034.451	9.034.451
Cổ phiếu phổ thông	9.034.451	9.034.451
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a. Tổng doanh thu**

Chi tiết:	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gạch ngói đất sét nung	136.270.566.481	166.277.627.673
- Gạch xây tường	69.476.136.256	89.711.336.290
- Sản phẩm trang trí	66.794.430.225	76.566.291.383
Doanh thu ngói xi măng màu	26.678.207.363	25.473.030.337
Doanh thu khác	1.865.487.460	1.639.871.460
Cộng	164.814.261.304	193.390.529.470

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Hắc Dịch, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Doanh thu với các bên liên quan chủ yếu là doanh thu bán sản phẩm gạch ngói xây dựng.

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH DV TM Học Minh Thành	23.046.908.600	27.682.950.789
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	4.991.338.770	6.229.167.150
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	676.039.840	567.298.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu	528.697.000	329.955.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Thy	192.178.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Gia Thắng	183.230.262	1.355.676
Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại Gia Võ	102.385.185	-
Cộng	29.720.777.657	34.810.726.615

2. Giá vốn bán hàng

Chi tiết:	Năm nay	Năm trước
Giá vốn gạch ngói đất sét nung	87.644.704.293	105.553.994.612
- Gạch xây tường	44.488.353.788	57.591.380.299
- Sản phẩm trang trí	43.156.350.505	47.962.614.313
Giá vốn ngói xi măng màu	23.246.177.346	22.647.510.124
Giá vốn hoạt động khác	1.100.857.913	895.852.600
Cộng	111.991.739.552	129.097.357.336

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết:	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	12.691.148	72.332.435
Lãi trái phiếu	109.941.667	159.808.333
Cộng	122.632.815	232.140.768

4. Chi phí tài chính

Chi tiết:	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	928.725.639	752.776.544
Cộng	928.725.639	752.776.544

5. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm :	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.494.267.680	5.955.749.561
Chi phí vật liệu, bao bì	3.878.468.445	4.420.230.185
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	206.950.510	330.511.119
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.625.000	7.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.100.604.295	8.673.433.684
Chi phí bằng tiền khác	178.884.340	199.581.259
Cộng	16.864.800.270	19.587.005.808

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm :

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	10.033.247.123	10.761.015.223
Chi phí đồ dùng văn phòng	306.293.312	189.478.128
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.747.752	136.069.554
Thuế, phí, lệ phí	646.776.281	51.886.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.284.089.285	1.553.038.641
Chi phí bằng tiền khác	1.342.510.052	1.285.256.808
Cộng	13.630.663.805	13.976.744.628

7. Chi phí khác

Chi tiết

	Năm nay	Năm trước
Phạt thuế	375.327.678	5.056.661
Chi phí khác	149.711.040	405.206.488
Cộng	525.038.718	410.263.149

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.046.237.292	29.800.114.703
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.125.933.589	1.022.263.149
Chi phí không hợp lý	1.095.588.256	1.022.263.149
Các khoản điều chỉnh khác làm tăng LNTT	30.345.333	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(290.841.132)	-
Các khoản điều chỉnh khác làm giảm LNTT	(290.841.132)	-
Thu nhập chịu thuế	21.881.329.749	30.822.377.852
Chuyển lỗ và bù trừ lãi/lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	21.881.329.749	30.822.377.852
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	4.376.265.950	6.164.475.570
Thuế TNDN bổ sung của các năm trước	22.002.591	-
Thuế TNDN truy thu theo Quyết định số 23857/QĐ-XPVPHC ngày 12/12/2024	125.668.140	-
Thuế TNDN còn phải nộp	4.523.936.681	6.164.475.570

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do có sự chênh lệch tạm thời về thời gian khấu hao tài sản cố định giữa kế toán và theo quy định của thuế.

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(33.026.972)	-
Cộng	(33.026.972)	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.555.327.583	23.635.639.133
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông :	(4.114.884.853)	(5.199.840.610)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	(4.114.884.853)	(5.199.840.610)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.440.442.730	18.435.798.523
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	9.034.451	9.034.451
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	1.377	2.041

^(*)Công ty căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2024 để thực hiện tạm tính số Quỹ khen thưởng phúc lợi cần trích từ lợi nhuận sau thuế của năm 2024.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.440.442.730	18.435.798.523
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.440.442.730	18.435.798.523
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (CP)	9.034.451	9.034.451
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	1.377	2.041

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm :	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.090.151.228	53.049.863.599
Chi phí nhân công	43.741.355.354	53.848.233.484
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.366.739.959	9.944.728.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.960.368.834	29.095.696.747
Chi phí khác	3.580.203.780	3.922.402.013
Cộng	109.738.819.155	149.860.924.031

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ, Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Trong kỳ, Công ty không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

3. Thu tiền từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.14)

4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.14)

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản tiềm tàng**

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ chốt khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Hắc Dịch, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tiền lương, thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt:**Thù lao của thành viên HĐQT:**

		Năm nay	Năm trước
Họ và tên	Chức vụ		
Ông Dư Quốc Trung	Chủ tịch	240.000.000	240.000.000
Ông Ngô Thành Cương	Thành viên	32.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên	96.000.000	96.000.000
Ông Lưu Thanh Bình	Thành viên	32.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	64.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Phượng Quyên	Thành viên	64.000.000	-
Bà Trần Thị Bích	Thư ký Công ty	24.000.000	24.000.000
Cộng		648.000.000	648.000.000

Thù lao thành viên BKS:

		Năm nay	Năm trước
Họ và tên	Chức vụ		
Ông Phạm Văn Hậu	Trưởng ban	100.000.000	108.000.000
Ông Hoàng Văn Thái	Trưởng ban	28.000.000	84.000.000
Ông Nguyễn Thế Đô	Thành viên	56.000.000	-
Ông Lưu Thanh Bình	Thành viên	56.000.000	-
Bà Phạm Thị Hương Duyên	Thành viên	24.000.000	72.000.000
Cộng		264.000.000	264.000.000

Lương, thưởng:

		Năm nay	Năm trước
Họ và tên	Chức vụ		
Ban Tổng Giám đốc		1.426.377.274	2.024.460.864
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc	782.008.864	1.161.756.046
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	644.368.410	862.704.818
Những người quản lý khác		1.811.810.835	3.348.210.700
Cộng		3.238.188.109	5.372.671.564

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Hắc Dịch, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
1. Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân là Thành viên HĐQT của Công ty GMX
2. Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu	Trưởng BKS Công ty TNHH Đầu tư và TM Đại Hữu là Thành viên HĐQT của Công ty GMX
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Quang Cường – Bình Thuận	Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Tân Quang Cường – Bình Thuận là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty GMX
4. Công ty TNHH TM DV Học Minh Thành	Giám đốc Công ty TNHH TM DV Học Minh Thành là em ruột của Tổng Giám đốc Công ty GMX
5. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Gia Thắng	Chủ tịch HĐQT và Giám đốc nhân sự Công ty CP Đầu tư Xây dựng Gia Thắng là Thành viên HĐQT của Công ty GMX
6. Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Thy	Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài Chính Công ty CP Đầu tư Gia Thy lần lượt là Thành viên HĐQT và là Trưởng BKS của Công ty GMX
7. Công ty Cổ phần Sản xuất TM Gia Võ	Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Sản Xuất TM Gia Võ và là Trưởng BKS của Công ty GMX

Giao dịch với các bên liên quan khác:

	Năm nay	Năm trước
❖ Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân		
Bán hàng hóa và dịch vụ	4.991.338.770	6.229.167.150
Mua hàng hóa và dịch vụ	42.368.180.042	46.265.636.212
❖ Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu		
Bán hàng hóa và dịch vụ	528.697.000	329.955.000
❖ Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Quang Cường – Bình Thuận		
Bán hàng hóa và dịch vụ	676.039.840	567.298.000
❖ Công ty TNHH TM DV Học Minh Thành		
Bán hàng hóa và dịch vụ	23.046.908.600	27.682.950.789
❖ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Gia Thắng		
Bán hàng hóa và dịch vụ	183.230.262	1.355.676
❖ Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Thy		
Bán hàng hóa và dịch vụ	192.178.000	-
❖ Công ty Cổ phần SX-TM Gia Võ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	102.385.185	-

Số dư với các bên liên quan xem chi tiết tại thuyết minh số V.2, V.3 và V.10.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Hắc Dịch, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. Báo cáo bộ phận**4a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Năm nay	Gạch ngói đất sét nung	Ngói xi măng màu	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	136.270.566.481	26.678.207.363	1.865.487.460	164.814.261.304
Giá vốn hàng bán	87.644.704.293	23.246.177.346	1.100.857.913	111.991.739.552
Lãi gộp	48.625.862.188	3.432.030.017	764.629.547	52.822.521.752
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	166.257.835.173	25.473.030.337	1.639.871.460	193.370.736.970
Giá vốn hàng bán	105.553.994.612	22.647.510.124	895.852.600	129.097.357.336
Lãi gộp	60.703.840.561	2.825.520.213	744.018.860	64.273.379.634

4b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của công ty là trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Khoản vay tại Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Phú Mỹ được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- + Quyền khai thác sét theo Quyết định số 2457/QĐ ngày 21/07/2008, Giấy phép số 21/GP-UBND ngày 28/03/2007 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/1509034/HĐ ngày 20/05/2013, được sửa đổi, bổ sung theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/150934/SĐBS ngày 10/08/2017 (xem thuyết minh số V.8);
- + Toàn bộ giá trị hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.5);
- + Toàn bộ số dư Tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của bên vay và tại các tổ chức tín dụng khác (xem thuyết minh số V.1);
- + Các khoản phải thu theo các Hợp đồng được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng (xem thuyết minh số V.2).

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Vũng Tàu được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- + Quyền sử dụng đất tại xã Hắc dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và toàn bộ công trình xây dựng thuộc nhà máy Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân (khu vực dây chuyền III): Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 657233 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 24/06/2010 đứng tên Công ty Cổ phần Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân (xem thuyết minh số V.8);
- + Toàn bộ công trình xây dựng thuộc nhà máy Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân (Khu vực dây chuyền II và công trình thuộc dây chuyền sản xuất ngói xi măng màu không nung): Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 657232 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 24/06/2010 đứng tên Công ty Cổ phần Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân (xem thuyết minh số V.7);
- + Quyền khai thác mỏ sét Mỹ Xuân 1, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng thế chấp Khai thác tài nguyên số 02-2017/HĐTC-MX ngày 01/08/2017 ký giữa Khách hàng và Ngân hàng (xem thuyết minh số V.8);

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Hắc Dịch, Tp. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- + Máy móc thiết bị thuộc: Dây chuyền II; dây chuyền ngói xi măng màu không nung và dây chuyền III Nhà máy Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 03-2017/HĐTC-MX ngày 01/08/2017 (xem thuyết minh số V.7);
- + Dây chuyền máy nghiền - trộn tại Nhà máy gạch của Công ty CP Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân theo Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị số 01-2020/HĐTC-MX ngày 30/09/2020 (xem thuyết minh số V.7).

6. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LUU THỊ MAI

TRẦN THỊ CẢNH

NGUYỄN VĂN SƠN



CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI GỐM XD MỸ XUÂN

Số: 32/CV-GMX-2025

"V/v: giải trình biến động trên 10% kết quả
kinh doanh năm 2024 so với năm 2023"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

-----oOo-----

Bà Rịa - Vũng Tàu, Ngày 25 Tháng 03 Năm 2025

Kính Gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân xin giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh tại thời điểm năm 2024 so với năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Chênh lệch	
			Giá trị	%
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	164.814.261.304	193.370.736.970	(28.556.475.666)	-14,77%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.046.237.292	29.800.114.703	(8.753.877.411)	-29,38%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập	16.555.327.583	23.635.639.133	(7.080.311.550)	-29,96%

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 của công ty giảm 29,96% so với cùng kỳ năm 2023 là do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu năm 2024 giảm so với cùng kỳ năm 2023 là 14,77%. Do nhu cầu của thị trường giảm mạnh làm cho sản lượng tiêu thụ sản phẩm giảm. Bên cạnh đó trong năm Công ty đã điều chỉnh giảm giá bán một số đơn đặt hàng theo số lượng và chủng loại để cạnh tranh bán sản phẩm.

- Sản lượng sản xuất năm 2024 giảm 32,68% so với cùng kỳ 2023 làm cho định phí sản xuất 2024 tăng so với cùng kỳ 2023 làm cho giá vốn hàng bán tăng.

- Với nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB.CNV, Công ty chúng tôi sẽ ra sức tiết kiệm chi phí và vận dụng tối đa mọi nguồn lực để hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân về Kết quả kinh doanh năm 2024 biến động trên 10% so với cùng kỳ năm 2023.

Xin trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên
- Văn thư
- Phòng TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN SƠN

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 (Đã kiểm toán) với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. BCTC năm 2024 (Đã kiểm toán)

- BCTC kiểm toán 2024 theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có ☒ Không ☐

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có ☒ Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có ☐ Không ☒

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có ☐ Không ☒

2. Các giao dịch mua lại doanh nghiệp, bán tài sản (các giao dịch này làm thay đổi hoặc có giá trị đạt tỷ lệ từ 35% tổng tài sản trở lên trong thời gian từ tháng 01/2024 đến 31/12/2024 nếu có):

- Nội dung giao dịch: Không có

- Đối tác giao dịch:

- Tỷ lệ giao dịch (giá trị giao dịch/ tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất):

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:

